

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 38 CT/TU ngày 10/10/2005 của Tỉnh ủy Bình Phước và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 27/12/1993;
- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 38 CT/TU ngày 10/10/2005 của Tỉnh ủy Bình Phước về việc thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 204/TT-TNMT ngày 01/12/2005,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 38 CT/TU ngày 10/10/2005 của Tỉnh ủy Bình Phước và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

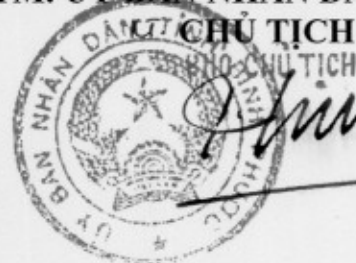
Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và mọi công dân sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Phước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT, TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như điều 2;
- LĐVP, CV: KSX, KT, VX;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Huy Phong

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chỉ thị số 38 CT/TU ngày 10/10/2005 của Tỉnh ủy Bình Phước và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 152/2005/QĐ-UBND ngày 8/12/2005 của UBND tỉnh)

I/ MỤC TIÊU:

Chương trình hành động của UBND tỉnh nhằm cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Chỉ thị số 38 CT/TU của Tỉnh ủy Bình Phước và Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” và Chương trình hành động của Chính phủ nhằm ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, phục hồi và từng bước nâng cao chất lượng môi trường, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

II/ NHIỆM VỤ:

1/ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường:

Phổ biến, quán triệt rộng rãi Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Hình thành và tăng cường năng lực cho các bộ phận tuyên truyền môi trường trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể ở địa phương; xây dựng chương trình truyền thông môi trường trên các phương tiện truyền thông đại chúng tại địa phương như báo, đài phát thanh truyền hình,...

Đẩy mạnh việc thực hiện đề án đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân; chú trọng giáo dục truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống gần gũi, thân thiện với môi trường; vận động quần chúng nhân dân cùng tham gia bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh để giúp các cơ sở này nhận thức rõ trách nhiệm và tự giác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Xây dựng và áp dụng tiêu chí về môi trường trong công tác thi đua khen thưởng; công bố công khai hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tạo dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với những hành vi đó.

2/ Tăng cường công tác quản lý về bảo vệ môi trường:

Tăng cường và kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường từ cấp tỉnh đến huyện, thị xã và tiến đến cấp phường, xã, thị trấn. Hình thành, từng bước bổ sung kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức phòng quản lý tài nguyên và môi trường ở cấp huyện, thị xã, đào tạo kiến thức cơ bản về quản lý môi trường cho cán bộ, công chức cấp huyện, thị xã phù hợp với nội dung, nhiệm vụ được phân công, phân cấp. Bổ sung biên chế chuyên trách, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ quan quản lý về môi trường ở địa phương, chú trọng ở cấp huyện, thị xã.

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan chức năng, cơ sở, ngành trong công tác bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác quản lý môi trường tại các khu vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Đôn đốc, kiểm tra thực hiện các quy chế bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất để tiến tới hình thành các đơn vị, tổ chức quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và các doanh nghiệp.

Phối hợp với các tỉnh, thành phố liên quan hình thành tổ chức quản lý môi trường lưu vực sông liên tỉnh, đặc biệt là lưu vực sông Sài Gòn – Đồng Nai để ngăn chặn, khống chế, khắc phục tình trạng ô nhiễm góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững cho các tỉnh, thành phố trong lưu vực.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát môi trường trên địa bàn tỉnh có sự phối hợp tốt giữa các lực lượng thanh tra chuyên ngành từ đó đẩy mạnh các hoạt động cưỡng chế thực hiện đưa công tác quản lý môi trường vào nề nếp, kỷ cương.

3/ Gắn kết nội dung bảo vệ môi trường vào các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh:

Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá tác động môi trường đối với các dự án quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển... Trong đó đặc biệt tập trung làm tốt việc huy động cộng đồng và các cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia vào quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và giám sát thực hiện các dự án quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển.

4/ Tăng cường đầu tư cho bảo vệ môi trường:

Đa dạng hoá đầu tư bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích, huy động mọi nguồn lực trong xã hội và sử dụng có hiệu quả nguồn phí bảo vệ môi trường thu được để đầu tư bảo vệ môi trường.

Đầu tư bảo vệ môi trường phải được lồng ghép với các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh có mục tiêu và nội dung rõ ràng, thiết thực để đến năm 2006 bố trí thành một mục chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường với mức không dưới 1% tổng chi ngân sách và đảm bảo tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

5/ Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường:

Trên cơ sở các Nghị quyết liên tịch đã ký kết giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với một số tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội; tổ chức triển khai phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức đoàn thể xã hội: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, liên hiệp các hội KHKT, Tỉnh đoàn thanh niên và Hội Liên hiệp thanh niên để thực hiện các nội dung của Nghị quyết nhằm phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý, tái chế chất thải công nghiệp để tái sử dụng nhằm giảm chi phí từ nguồn ngân sách nhà nước, thành lập các tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận và chứng nhận về bảo vệ môi trường để thúc đẩy việc dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm của các cơ sở sản xuất, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế ở khu vực và quốc tế.

6/ Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường

Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ phải bám sát nhu cầu, đòi hỏi của thực tế và bám sát các mục tiêu, yêu cầu bức xúc về bảo vệ môi trường của tỉnh để có những kết quả phù hợp với khả năng tài chính của các cơ sở tiếp nhận và áp dụng.

Xây dựng và áp dụng chính sách chuyển giao công nghệ hỗ trợ hoặc miễn phí nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất tiếp nhận và áp dụng các công nghệ xử lý ô nhiễm, các giải pháp sản xuất sạch hơn, phòng ngừa ô nhiễm,...

Ban hành chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường, tạo cơ hội giúp các doanh nghiệp vượt qua "rào cản xanh" trong quá trình hội nhập kinh tế.

Đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng các tiêu chuẩn môi trường có liên quan đến sản phẩm và hàng hoá xuất nhập khẩu tạo điều kiện cho doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế.

7/ Tăng cường hợp tác quốc tế:

Phối hợp thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế về môi trường và các lĩnh vực có liên quan mà Chính phủ đã tham gia.

Triển khai có hiệu quả các dự án ODA về môi trường, đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế để giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc của tỉnh thông qua việc nâng cao năng lực xây dựng, quản lý các dự án về môi trường và có kế hoạch liên tục duy trì kết quả của các dự án môi trường đã hoàn thành, kết thúc.

8/ Kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải:

Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn theo quy chế quản lý chất thải nguy hại tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ban hành và tổ chức thực hiện qui định về cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống thoát nước của tỉnh và các công trình thuỷ lợi trên địa bàn để tăng cường giám sát việc xả và xử lý nước thải công nghiệp và sinh hoạt tại các khu, cụm công nghiệp và các khu đô thị mới, góp phần quản lý và thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ.

Thực hiện xử lý dứt điểm 02/02 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ,

phấn đấu hoàn thành trước thời hạn quy định và phòng ngừa không để phát sinh thêm các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn, đặc biệt tập trung giám sát, kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu tại quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư và việc thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ cam kết của các doanh nghiệp.

9/ Bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học:

Tăng cường công tác bảo vệ rừng và phát triển không gian cây xanh thị xã, thị trấn, khu dân cư đạt chỉ tiêu độ che phủ đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh đạt 40%, tập trung bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng và rừng phòng hộ đầu nguồn.

Xây dựng kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ các giống, loài động, thực vật quý hiếm; bảo vệ các nguồn gen bản địa; ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây tác động xấu đến con người và môi trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động bảo vệ các vùng đất ngập nước của tỉnh theo hướng nâng cao năng lực, quản lý bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái và cảnh quan vùng đất ngập nước.

10/ Khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên:

Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm việc khai thác cát trái phép dọc bờ sông Sài Gòn – Đồng Nai thuộc địa bàn tỉnh.

Lập quy hoạch các bến, bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng để có cơ sở pháp lý tăng cường quản lý, đưa hoạt động khai thác cát vào nề nếp, góp phần đảm bảo thoát lũ, dòng chảy, an toàn đê điều trong mùa mưa, lũ.

Xây dựng phương án quản lý khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

11/ Bảo vệ môi trường khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

Tổ chức thực hiện chương trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường tại các xã vùng sâu với các giải pháp đồng bộ phát triển kinh tế – xã hội gắn với các hoạt động xoá đói giảm nghèo, kế hoạch hoá dân số gia đình. Phổ biến và hướng dẫn áp dụng các biện pháp quản lý, xử lý rác thải hợp vệ sinh, các mô hình nhà vệ sinh chi phí thấp, hợp vệ sinh.

... và uốn lồi ngăn chặn, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, trong đó chú trọng đối với các loại nghề sản xuất điều, cao su, bột mì, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ và các đồ gia dụng, gạch ngói, vật liệu xây dựng và tái chế chất thải...

Đẩy mạnh việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng hoá chất trong canh tác, bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm. Khuyến khích và phát triển sản xuất nông sản sạch góp phần đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

III/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể xã hội có trách nhiệm tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị và chương trình hành động của UBND tỉnh, đồng thời xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp có trách nhiệm:

Nghiên cứu quán triệt các nội dung của Nghị quyết và Chương trình hành động, kế hoạch hành động, các vấn đề ưu tiên của ngành, địa phương; cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết và Chương trình hành động này trong việc xây dựng các kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm của các ngành, địa phương trong tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển có tác động đến môi trường tại địa phương.

Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất biện pháp để bảo đảm đến năm 2006 bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách của tỉnh cho mục tiêu hoạt động sự nghiệp môi trường và tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ngành có liên quan rà soát các nội dung bảo vệ môi trường đối với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình giảng dạy trong nhà trường.

Đài Phát thanh - Truyền hình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình truyền thông môi trường và đưa các thông tin về công tác bảo vệ môi trường trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Tỉnh đoàn thanh niên phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức các loại hình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường trong đoàn viên thanh niên.

Ban Quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm triển khai các qui định về công tác bảo vệ môi trường đến các cơ sở sản xuất trong các khu công nghiệp; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường kiểm tra việc chấp hành các qui định về công tác bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.

Sở Thương mại và Du lịch phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ngăn chặn suy thoái môi trường, khắc phục sự cố môi trường trong lĩnh vực du lịch; quản lý, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái tại các khu, điểm du lịch.

Cục Hải quan phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn việc nhập khẩu bất hợp pháp các loại hoá chất độc hại, rác thải, ...

Công an tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường nhiệm vụ phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Sở Công nghiệp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án hạn chế và giảm dần việc sử dụng các hoá chất độc hại, các bao bì làm từ các vật liệu khó phân huỷ trong công nghiệp, thay thế bằng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường do Bộ Công nghiệp chủ trì.

Sở Giao thông - Vận tải phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án giảm thiểu ô nhiễm do các hoạt động giao thông vận tải do Bộ Giao thông - Vận tải chủ trì.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ môi trường do Bộ Khoa học - Công nghệ chủ trì.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án bảo vệ môi trường làng nghề và các khu chăn nuôi

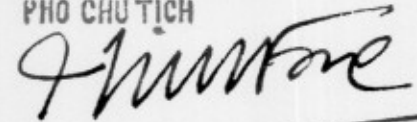
tập trung, quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

Sở Xây dựng hướng dẫn thống nhất việc quy hoạch, xây dựng các tiêu chuẩn quy phạm pháp luật về các công trình kỹ thuật hạ tầng và vệ sinh môi trường đô thị, nông thôn, khu công nghiệp do Bộ Xây dựng qui định. Đồng thời phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Đề án quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn, nước thải cho các đô thị do Bộ Xây dựng chủ trì.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Phối hợp với các Sở, ban ngành, đoàn thể, địa phương trong toàn tỉnh tổ chức phổ biến rộng rãi nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình này và định kỳ hàng năm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Phong